



MARKET LENS

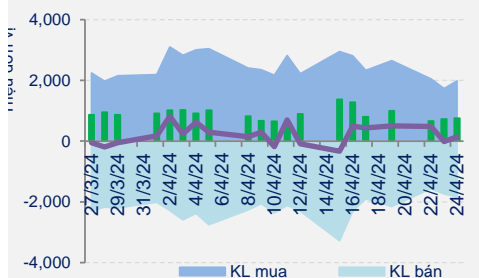
Phiên giao dịch ngày: 24/4/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

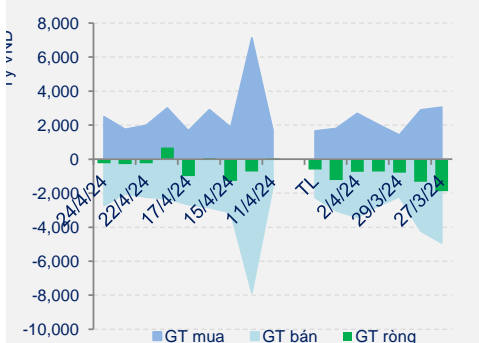
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,205.61	227.87
% Thay đổi	↑ 2.40%	↑ 2.35%
KLGD (CP)	756,598,469	84,654,911
GTGD (tỷ đồng)	19,803.57	1,608.52
Tổng cung (CP)	1,836,714,184	120,814,100
Tổng cầu (CP)	1,982,671,839	119,427,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	89,674,415	2,805,819
KL mua (CP)	89,755,336	4,377,900
GT mua (tỷ đồng)	2,497.44	130.44
GT bán (tỷ đồng)	2,740.12	70.07
GT ròng (tỷ đồng)	(242.69)	60.37

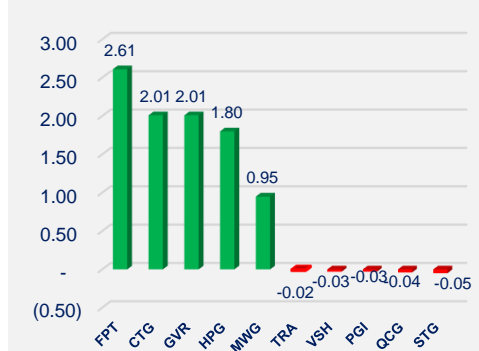
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên giảm điểm nhưng vẫn giữ được vùng hỗ trợ mạnh quanh đường giá trung bình MA200 phiên, VN-INDEX hôm nay đã khởi đầu khá tích cực khi tăng điểm tốt từ đầu phiên với thanh khoản cải thiện tích cực và tiếp tục nỗ lực phục hồi sau giai đoạn giảm điểm mạnh về vùng quá bán ngắn hạn. VN-INDEX tiếp tục tăng điểm tốt trong phiên chiều nhờ ảnh hưởng rất tích cực của nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn, nổi bật như FPT vượt đỉnh gần nhất. Kết phiên VN-INDEX tăng tốt 28,21 điểm (+2,40%) lên mức 1.205,61 điểm, vượt lên vùng giá, 03 phiên giảm điểm trước và vượt qua ngưỡng tâm lý mạnh 1.200 điểm, với kỳ vọng sẽ tiếp tục phục hồi trở lại vùng giá quanh 1.220-1.225 điểm tương ứng vùng giá thấp nhất tháng 03/2024 cũng như giá thấp của phiên giảm điểm đột biến ngày 15/04/2024. HNX-INDEX tăng 5,24 điểm (+2,35%) lên mức 227,87 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn là tích cực với 582 mã tăng giá (28 mã tăng trần), 110 mã giảm giá (08 mã giảm sàn) và 81 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 21.402,82 tỉ đồng, tăng 13,57% so với phiên trước, dưới mức trung bình. Thị trường đang hồi phục khá tốt sau nhịp giảm điểm và lực cầu vùng giá thấp gia tăng khi nhiều mã sau quá trình giảm mạnh đã quay về vùng giá quá bán ngắn hạn hấp dẫn. Khỏi ngoại vẫn duy trì xu hướng bán ròng liên tục trên HOSE với giá trị 251,30 tỉ đồng trong phiên hôm nay; tập trung nhiều ở các mã ngân hàng, bất động sản... duy trì mua ròng tốt trên HNX với giá trị 60,37 tỉ đồng.

S&P Global cho biết chỉ số PMI tổng hợp theo dõi các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ của Mỹ, đã giảm xuống mức 50,9 trong tháng 4/2024, từ mức 52,1 của tháng Ba. Mặc dù vẫn trên 50 điểm song sự suy giảm này phản ánh tốc độ tăng trưởng yếu hơn ở cả lĩnh vực sản xuất và dịch vụ khi giảm lần lượt xuống mức thấp nhất trong vòng 3 tháng và 5 tháng. Việc làm, lĩnh vực đang được Fed theo dõi chặt chẽ, giảm lần đầu tiên kể từ tháng 6/2020, với mức giảm tập trung vào lĩnh vực dịch vụ. PMI sản xuất giảm xuống còn 49,9 trong tháng 4/2024, từ mức 51,9 của tháng Ba.

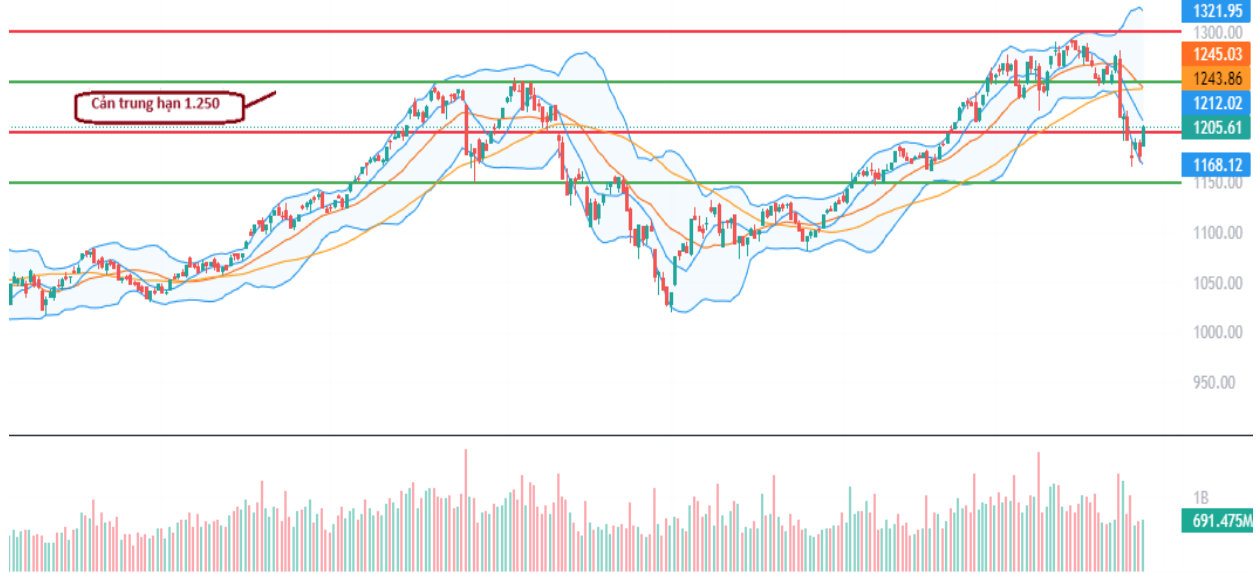
Nhóm cổ phiếu công nghệ, viễn thông là tâm điểm tích cực của thị trường khi nhiều mã tăng giá mạnh, vượt đỉnh, thanh khoản gia tăng đột biến trước thông tin FPT ký thỏa thuận đối tác chiến lược với NVIDIA - Tập đoàn công nghệ đa quốc gia hàng đầu thế giới - để thúc đẩy nghiên cứu Trí tuệ nhân tạo (AI), cung cấp dịch vụ, giải pháp cho khách hàng Việt Nam và trên toàn cầu, với FPT (+6,95%), ELC (+7,00%), VTP (+6,95%), VGI (+6,23%), CMG (+5,84%)... Các cổ phiếu bán lẻ cũng có diễn biến tăng giá tích cực, nhiều mã thanh khoản khá đột biến như DGW (+6,73%), MWG (+5,02%), PET (+5,00%), FRT (+4,14%)...

Nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su sau giai đoạn chịu áp lực bán mạnh đã phục hồi tốt trở lại, thanh khoản gia tăng khá mạnh, vượt mức trung bình như GVR (+6,88%), SIP (+5,81%), DPR (+5,31%), PHR (+4,987%), KBC (+4,42%)... các cổ phiếu bất động sản sau phiên chịu áp lực điều chỉnh trở lại, đa số cũng phục hồi tốt, nhiều mã tăng giá hết biên độ, thanh khoản cải thiện với CEO (+7,47%), NLG (+6,94%), PDR (+6,92%), NBB (+6,91%), DIG (+6,90%)... ngoài QCG (-3,87%), LGL (-2,17%), FIR (-1,04%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng tăng giá tốt trước kỳ vọng hệ thống KRX sẽ chính thức go-live trong đầu tháng 5/2024, nhiều mã tăng giá mạnh như VND (+6,09%), VIG (+5,88%), FTS (+5,51%), CTS (+5,26%)... Các nhóm ngành khác đều phục hồi tốt sau giai đoạn giảm giá mạnh, cũng như khi VN-INDEX lấy lại hỗ trợ tâm lý quanh 1.200 điểm.

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2405 tăng mạnh 29,9 điểm (+2,49%), chênh lệch chuyển sang âm -1,67 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm 2,24% so với phiên trước. Xu hướng ngắn hạn VN30F2404 đang phục hồi sau đợt giảm mạnh vượt vùng giá quanh 1.210 điểm - 1.220 điểm. Kháng cự gần nhất 1.236 điểm, tương ứng giá kết phiên ngày giảm điểm mạnh 15/04/2023. Các kỳ hạn dài hơn chênh lệch dương mở rộng từ 1,13 điểm đến 9,83 điểm so với VN30. Những diễn biến trên cho thấy các trader đang nghiêng về kịch bản VN30 sẽ điều chỉnh nhẹ trở lại trong ngắn hạn, lạc quan ở các kỳ hạn lớn hơn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường diễn biến theo kịch bản tích cực mà chúng tôi đã đề cập tới trong bản tin trước khi có phiên tăng khá mạnh. Chốt phiên Vn-Index tăng 28,21 điểm (+2,4%) và đóng cửa ở 1.205,61 điểm, qua đó lấy lại được mốc hỗ trợ tâm lý 1.200 điểm đã đánh mất trước đó. Với diễn biến này Vn-Index khả năng đã hoàn thành mô hình đáy w nhỏ và sẽ tiếp tục nhịp hồi phục ngắn hạn với ngưỡng kháng cự gần quanh vùng 1.225 điểm.

Xu hướng trung hạn của Vn-Index duy trì tích lũy trong kênh rộng 1.150 điểm - 1.250 điểm và dự báo quá trình vận động swing có thể kéo dài sau nhịp điều chỉnh mạnh vừa qua.

Thị trường tăng mạnh và vượt qua được mốc kháng cự tâm lý 1.200 điểm qua đó mở ra cơ hội tiếp tục hồi phục trong các phiên tới. Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân theo khuyến nghị của chúng tôi khi Vn-Index phát tín hiệu tăng điểm, tiếp tục nắm giữ danh mục. Những nhà đầu tư đang có tỷ trọng lớn có thể tranh thủ nhịp hồi phục sắp tới để cơ cấu lại danh mục, hạ tỷ trọng về mức an toàn. Nhà đầu tư trung - dài hạn có thể tiếp tục chiến lược giải ngân dần trong các nhịp giảm điểm, mục tiêu là các mã cổ phiếu đầu ngành, dự báo có triển vọng tích cực trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

24/4/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	54.40	47-51	58-59	52	12.9	85.4%	167.2%	Theo dõi giải ngân
DPR	37.7	34.5-36.5	43-44	35	15.9	6.6%	61.9%	Theo dõi giải ngân
LHG	32.3	32.5-33	38-39	31	9.7	40.3%	102.4%	Theo dõi giải ngân
PVP	15.2	14-14.3	18-18.6	13.5	7.8	-18.7%	91.6%	Theo dõi giải ngân
DTD	25.5	24-25	30-31	25	5.9	-11.6%	117.0%	Theo dõi giải ngân
SIP	82	76-77	84-85	73	15.6	32.8%	40.2%	Theo dõi giải ngân
KBC	29.5	27.5-28.5	32-33	25	11.3	350.3%	113.9%	Theo dõi giải ngân
CTD	65.4	59-62	78-80	57	34.5	-9.2%	265.9%	Theo dõi giải ngân
FPT	120.1	110-114	134-136	94	23.5	12.6%	27.9%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
27/12/2023	TNH	21.30	18.09	23-24	21	17.7%	Nắm giữ
16/4/2024	LHG	32.30	32	38-39	30	0.9%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	31.95	32.2	37-38	31	-0.8%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	15.20	14.2	18-18.5	13.3	7.0%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	37.70	36.8	43-44	35	2.4%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	29.50	28.75	32-33	26	2.6%	Mua
24/4/2024	FPT	120.10	114.2	134-136	105	5.2%	Mua

TIN VĨ MÔ

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) bơm lượng tiền lớn qua kênh OMO đồng thời nâng lãi suất kênh OMO lên 4,25%.

Ngày 23/4, NHNN cho 9 thành viên vay gần 36.000 tỷ đồng thông qua kênh OMO với kỳ hạn 14 ngày. Đáng chú ý, lãi suất trúng thầu đã tăng lên 4,25%/năm thay vì 4%/năm trong thời gian qua. Đây cũng là mức lãi suất cao nhất trên kênh OMO kể từ giữa năm 2023. Ngoài ra, khoản vay qua kênh OMO hôm 16/4 (kỳ hạn 7 ngày) cũng đáo hạn với tổng giá trị gần 12.000 tỷ đồng, từ đó hút về số tiền tương ứng. Cũng trong phiên, NHNN đã phát hành 2.150 tỷ đồng tín phiếu với kỳ hạn 28 ngày, lãi suất 3,73%/năm. Có 3 thành viên tham gia và 2 thành viên trúng thầu. Đồng thời lô tín phiếu phát hành ngày 26/3 đáo hạn, theo đó NHNN bơm trở lại thị trường 3.700 tỷ đồng. Như vậy NHNN đã bơm ròng hơn 25.500 tỷ đồng trong ngày 23.04.

Giao thương biên mậu Việt - Trung tiếp tục đà tăng trưởng

Theo thông tin từ Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế Lào Cai, tính từ đầu năm đến 15/4, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu làm thủ tục tại Chi cục đạt 382,4 triệu USD, tăng 64% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 223,23 triệu USD, tăng 88% (tương đương tăng gần 100 triệu USD), kim ngạch nhập khẩu đạt 159,2 triệu USD, tăng 44% (tương đương với gần 50 triệu USD) so với cùng kỳ năm 2023. Chỉ tính nửa đầu tháng 4/2024, sản lượng hoa quả tươi xuất khẩu qua các cửa khẩu Lạng Sơn đã đạt hơn 200 nghìn tấn, lưu lượng phương tiện thông quan qua cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị quý 1/2024 đạt 52.139 lượt xe, tăng 26,5% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu các loại hình đạt khoảng 12,7 tỷ USD.

Giá vàng miếng SJC tăng vọt sau phiên đấu thầu vàng

Giá vàng miếng SJC hiện tại đắt hơn thế giới khoảng 10,7 triệu đồng/ lượng. Giá vàng doji HN niêm yết ở mức 81,8 - 83,8 triệu đồng/ lượng, tăng mạnh 2 triệu đồng/ lượng chiều mua vào và 1 triệu đồng/ lượng chiều bán ra so với chốt phiên gần nhất. Giá vàng thế giới giao ngay đứng quanh ngưỡng 2.326,8USD/ ounce, tăng 16,8USD/ ounce so với đêm qua. Đợt giảm giá vàng lần này chỉ là một đợt điều chỉnh sau khi vàng đã tăng khoảng 22% trong 2 tháng qua và nằm trong một xu hướng đi lên dài hạn của vàng.

Quý I/2024: Việt Nam thu về 31 tỷ USD nhờ xuất khẩu sản phẩm công nghệ thông tin

Sáng 24/4, Thủ tướng Phạm Minh Chính, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, chủ trì phiên họp lần thứ 8 của Ủy ban, với trọng tâm thảo luận về kinh tế số. Theo báo cáo tại phiên họp, Bộ Thông tin và Truyền thông cho biết trong quý I, doanh thu công nghiệp CNTT đạt gần 36,3 tỷ USD, tăng 17,7% so với cùng kỳ; xuất khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đạt 31 tỷ USD, tăng 17%. Về chuyển đổi số với các dịch vụ công, hiện nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia đã kết nối với 388 hệ thống và cơ sở dữ liệu của 95 cơ quan, đơn vị (bình quân mỗi ngày có khoảng 2,8 triệu giao dịch được thực hiện). Tính riêng 25 dịch vụ công thiết yếu tại Đề án 06 hàng năm đã tiết kiệm cho Nhà nước, xã hội gần 3.500 tỷ đồng.

TIN DOANH NGHIỆP**Công bố thêm một nhà máy đạt trung hoà Carbon, Vinamilk tiến nhanh trên hành trình đến Net Zero**

Trước thềm Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024, Vinamilk công bố Nhà máy Nước giải khát Việt Nam đạt trung hòa carbon theo tiêu chuẩn quốc tế PAS 2060:2014. Như vậy, Vinamilk đang sở hữu tới 3 đơn vị đạt chứng nhận về trung hòa Carbon, cho thấy những bước tiến quyết liệt của doanh nghiệp trên con đường tiến đến mục tiêu Net Zero vào năm 2050. Tiên phong về phát triển bền vững, hưởng ứng cam kết của Chính phủ Việt Nam tại Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc năm 2021 (COP26). Theo đó, Vinamilk đặt mục tiêu cắt giảm 15% phát thải khí nhà kính vào 2027, 55% vào năm 2035 và tiến đến phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Năm 2023, Vinamilk là thương hiệu có tính bền vững cao nhất tại Việt Nam, thuộc Top 5 thương hiệu sữa có tính bền vững cao nhất toàn cầu (theo Brand Finance).

VCG: Đã trúng nhiều gói thầu lớn với tổng giá trị 13.200 tỷ đồng

Tại Đại hội đồng cổ đông diễn ra ngày 24/4, ông Nguyễn Xuân Đông, Tổng giám đốc Vinaconex, cho biết năm 2023, vượt qua bối cảnh khó khăn chung của ngành xây dựng, VCG vẫn duy trì hiệu quả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi. Tổng doanh thu hợp nhất đạt 12.965 tỷ đồng, bằng 135% thực hiện so với năm 2022; lợi nhuận sau thuế đạt 396 tỷ đồng. Phát biểu tại Đại hội, Chủ tịch HĐQT Vinaconex Đào Trọng Thanh chia sẻ: Điểm sáng trong hoạt động xây lắp của VCG trong năm qua là đã trúng nhiều gói thầu lớn, với tổng giá trị 13.200 tỷ đồng, đảm bảo nguồn việc cho năm 2024 và các năm tiếp theo. Tiêu biểu là 2 gói thầu tại dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành; một số gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc – Nam giai đoạn 2021 – 2025...

Novaland muốn chào bán 1,1 tỷ cổ phiếu cho cổ đông với giá 10.000 đồng

Mới đây, tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL) vừa công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 bổ sung. Theo đó, doanh nghiệp này dự kiến sẽ chào bán 1,1 tỷ cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dưới dạng quyền mua. Tỷ lệ thực quyền là 10:6 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu có quyền mua 6 cổ phiếu mới). Giá bán sẽ là 10.000 đồng/cp, bằng 67,5% so với thị giá trên sàn của cổ phiếu NVL. Đáng chú ý, kể từ đầu tháng 4 cổ phiếu đã giảm gần 20%. Sau phát hành, vốn điều lệ của Novaland dự kiến tăng 19.501 tỷ đồng lên mức hơn 31.200 tỷ đồng. Thời gian thực hiện dự kiến từ quý 2/2024 đến quý 4/2024.

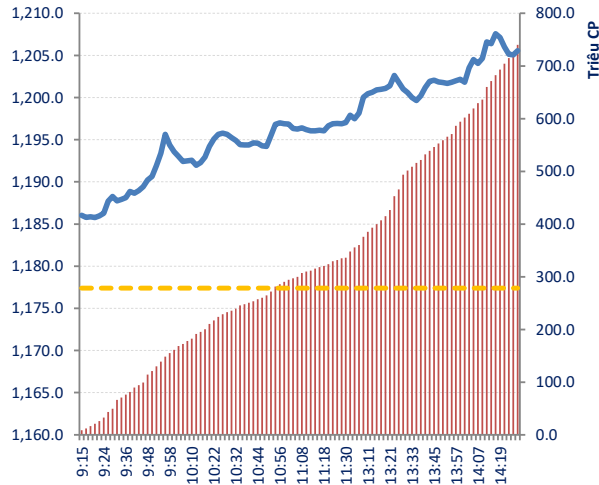
Agribank đặt mục tiêu lợi nhuận năm 2024 tối thiểu 27.400 tỷ

Trong báo cáo thường niên năm 2023 vừa công bố, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) đã đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế tăng tối thiểu 6% so với năm 2023 và không thấp hơn mức lợi nhuận kế hoạch được NHNN phê duyệt. Trong năm 2023, Agribank báo lãi trước thuế hợp nhất ở mức 25.859 tỷ đồng, tăng 14,7% so với năm 2022. Từ con số này có thể ước tính rằng mục tiêu lợi nhuận tối thiểu trong năm 2024 của Agribank là 27.411 tỷ đồng. Kế hoạch lợi nhuận của Agribank đang thấp hơn so với Vietcombank, MB nhưng cao hơn Techcombank, VPBank. Hiện hai ông lớn VietinBank và BIDV chưa công bố mục tiêu lợi nhuận cho năm 2024.

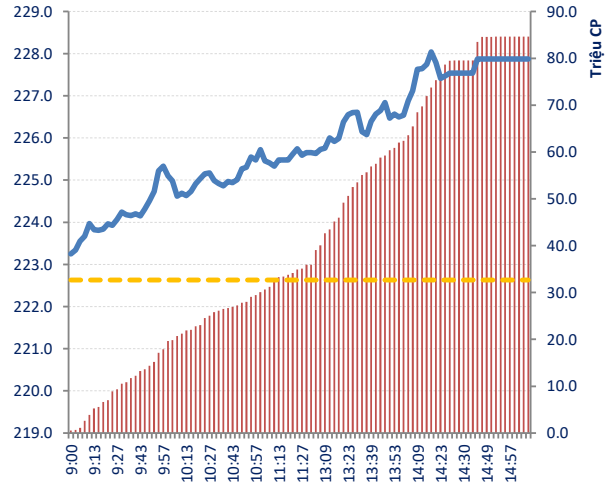


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

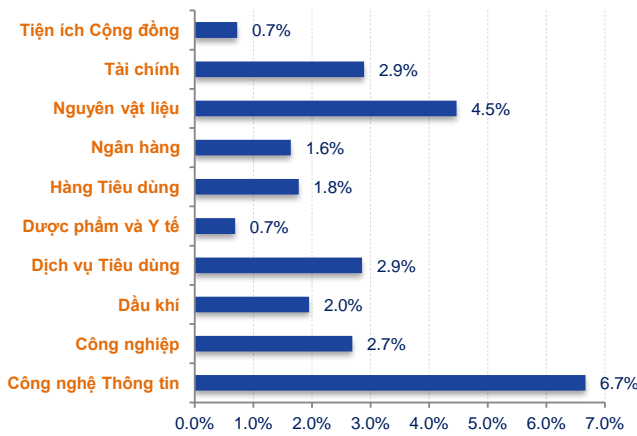
KLGD và VN-Index trong phiên



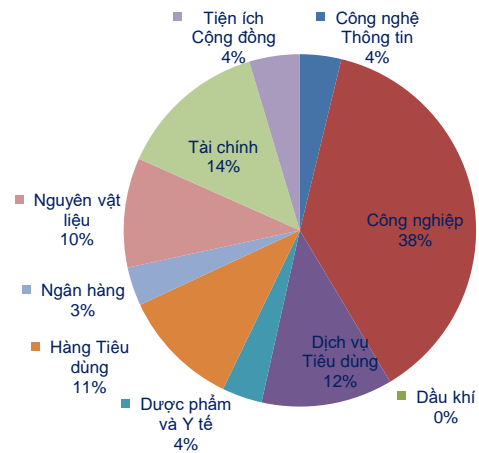
KLGD và HNX-Index trong phiên



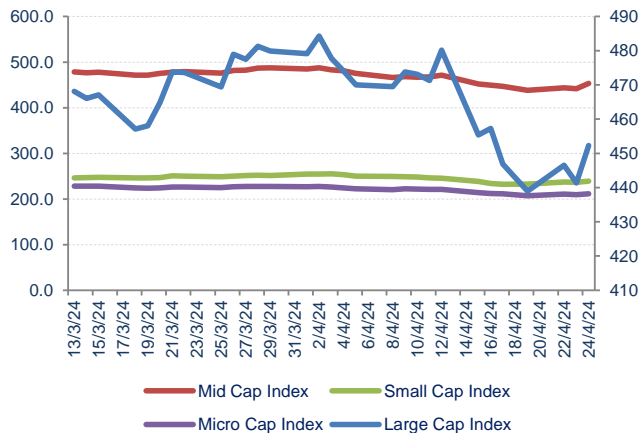
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



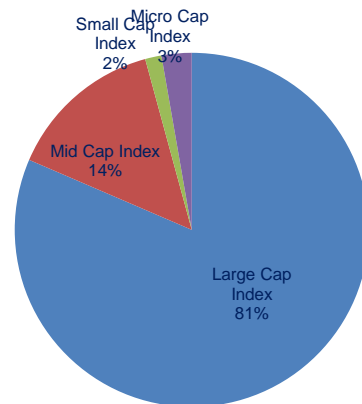
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	5,792,085	FUEVFVND	32,860,900	1	PVS	2,054,000	SHS	587,500
2	VND	4,425,981	VHM	2,086,385	2	MBS	430,200	IDC	349,500
3	TPB	3,401,300	HDB	2,036,500	3	VGS	124,600	TNG	211,300
4	TCH	3,231,000	HSG	1,422,056	4	VIG	114,200	AAV	129,900
5	MWG	3,100,000	NVL	1,387,765	5	CEO	70,000	HUT	60,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FUEVFVND	29.05	29.98	↑ 3.20%	35,516,187	SHS	17.90	18.60	↑ 3.91%	23,529,347
NVL	14.50	15.20	↑ 4.83%	28,325,012	CEO	17.40	18.70	↑ 7.47%	11,694,057
VIX	16.55	17.25	↑ 4.23%	26,365,800	PVS	38.10	39.30	↑ 3.15%	5,907,068
SHB	10.95	11.20	↑ 2.28%	25,751,500	MBS	26.70	27.90	↑ 4.49%	3,784,307
DIG	26.80	28.65	↑ 6.90%	25,333,700	HUT	16.80	17.20	↑ 2.38%	2,698,515

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ELC	20.00	21.40	1.40	↑ 7.00%	MCO	15.10	16.60	1.50	↑ 9.93%
TDM	45.00	48.15	3.15	↑ 7.00%	IPA	13.20	14.50	1.30	↑ 9.85%
DXV	5.58	5.97	0.39	↑ 6.99%	HHC	69.90	76.70	6.80	↑ 9.73%
FPT	112.30	120.10	7.80	↑ 6.95%	CAG	10.30	11.30	1.00	↑ 9.71%
NLG	36.00	38.50	2.50	↑ 6.94%	INN	49.20	53.90	4.70	↑ 9.55%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FDC	12.35	11.50	-0.85	↓ -6.88%	VIF	16.00	14.40	-1.60	↓ -10.00%
ADG	17.75	16.55	-1.20	↓ -6.76%	ALT	20.00	18.00	-2.00	↓ -10.00%
VDP	40.00	37.35	-2.65	↓ -6.62%	SPC	10.20	9.20	-1.00	↓ -9.80%
SCD	12.05	11.30	-0.75	↓ -6.22%	VLA	18.70	16.90	-1.80	↓ -9.63%
TNA	6.10	5.76	-0.34	↓ -5.57%	BDB	13.00	11.80	-1.20	↓ -9.23%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFNVD	35,516,187	N/A	N/A	N/A	N/A
NVL	28,325,012	1.3%	311	46.7	0.6
VIX	26,365,800	12.8%	1,670	9.9	1.2
SHB	25,751,500	15.8%	2,019	5.4	0.8
DIG	25,333,700	1.5%	195	137.7	2.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	23,529,347	5.7%	688	26.0	1.4
CEO	11,694,057	3.0%	402	43.3	1.4
PVS	5,907,068	7.7%	2,148	17.7	1.3
MBS	3,784,307	13.0%	1,475	18.1	2.2
HUT	2,698,515	0.6%	89	189.7	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ELC	↑ 7.0%	7.5%	944	21.2	1.4
TDM	↑ 7.0%	9.0%	1,911	23.5	2.1
DXV	↑ 7.0%	-8.0%	(847)	-	0.5
FPT	↑ 6.9%	22.8%	5,338	21.0	4.5
NLG	↑ 6.9%	3.6%	1,259	28.6	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
MCO	↑ 9.9%	0.6%	77	197.0	1.2
IPA	↑ 9.8%	7.6%	1,397	9.5	0.7
HHC	↑ 9.7%	8.6%	3,018	23.2	1.9
CAG	↑ 9.7%	-0.3%	(30)	-	1.0
INN	↑ 9.6%	15.9%	5,527	8.9	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	5,792,085	6.9%	1,175	23.5	1.6
VND	4,425,981	15.6%	2,057	9.6	1.4
TPB	3,401,300	13.7%	2,019	8.5	1.2
TCH	3,231,000	5.1%	890	16.4	0.8
MWG	3,100,000	0.7%	115	434.6	3.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	2,054,000	7.7%	2,148	17.7	1.3
MBS	430,200	13.0%	1,475	18.1	2.2
VGS	124,600	6.1%	1,090	21.2	1.3
VIG	114,200	10.6%	783	8.7	0.9
CEO	70,000	3.0%	402	43.3	1.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	503,577	22.0%	5,910	15.2	3.1
BID	281,602	18.9%	3,773	13.1	2.3
VHM	175,046	20.2%	7,664	5.2	1.0
GAS	170,418	18.4%	5,053	14.7	2.6
CTG	169,155	17.0%	3,706	8.5	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,211	7.7%	2,148	17.7	1.3
IDC	17,457	22.6%	4,223	12.5	2.8
HUT	14,994	0.6%	89	189.7	1.3
SHS	14,556	5.7%	688	26.0	1.4
THD	13,513	2.9%	458	76.6	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
POM	3.18	-45.6%	(3,445)	-	0.5
KSB	2.53	3.7%	934	20.9	0.7
PDR	2.47	7.8%	1,024	24.7	1.9
DIG	2.37	1.5%	195	137.7	2.1
GEX	2.34	1.6%	388	50.1	0.8

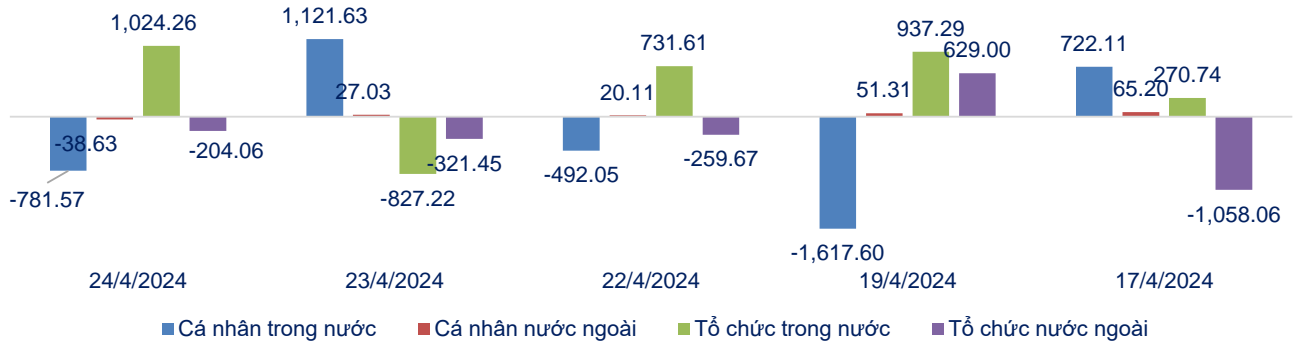
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.96	5.2%	733	15.4	1.0
VC2	2.86	2.0%	293	27.3	0.6
PRC	2.77	1.3%	378	58.4	0.7
CEO	2.74	3.0%	402	43.3	1.4
VGS	2.58	6.1%	1,090	21.2	1.3



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	395.11	22.8%	5,338	21.0	4.5
VHM	81.99	20.2%	7,664	5.2	1.0
VCB	62.81	22.0%	5,910	15.2	3.1
GAS	33.25	18.4%	5,053	14.7	2.6
HSG	28.32	7.5%	1,321	14.8	1.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-211.82	8.2%	1,433	12.8	1.0
HPG	-166.97	6.9%	1,175	23.5	1.6
MWG	-132.46	0.7%	115	434.6	3.1
SSI	-94.92	10.1%	1,531	22.5	2.2
VND	-94.72	15.6%	2,057	9.6	1.4

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	5.18	15.6%	2,057	9.6	1.4
SSI	4.72	10.1%	1,531	22.5	2.2
CTR	3.19	28.6%	4,510	26.2	6.8
HDB	2.97	23.6%	3,479	6.4	1.4
DXG	2.59	1.2%	270	57.5	0.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-48.26	16.0%	2,322	5.9	0.9
EIB	-5.37	10.1%	1,244	14.0	1.4
PC1	-2.58	1.9%	450	55.5	1.1
PTB	-1.73	9.3%	3,798	17.0	1.6
CNG	-1.21	14.1%	2,313	12.8	1.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	998.80	N/A	N/A	N/A	N/A
VPB	172.22	8.2%	1,433	12.8	1.0
TCB	47.12	15.2%	5,606	8.2	1.2
EIB	35.87	10.1%	1,244	14.0	1.4
HDB	30.93	23.6%	3,479	6.4	1.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-394.70	22.8%	5,338	21.0	4.5
MWG	-27.90	0.7%	115	434.6	3.1
GMD	-26.99	25.5%	7,423	10.6	2.5
TDM	-22.28	9.0%	1,911	23.5	2.1
PTB	-19.97	9.3%	3,798	17.0	1.6

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

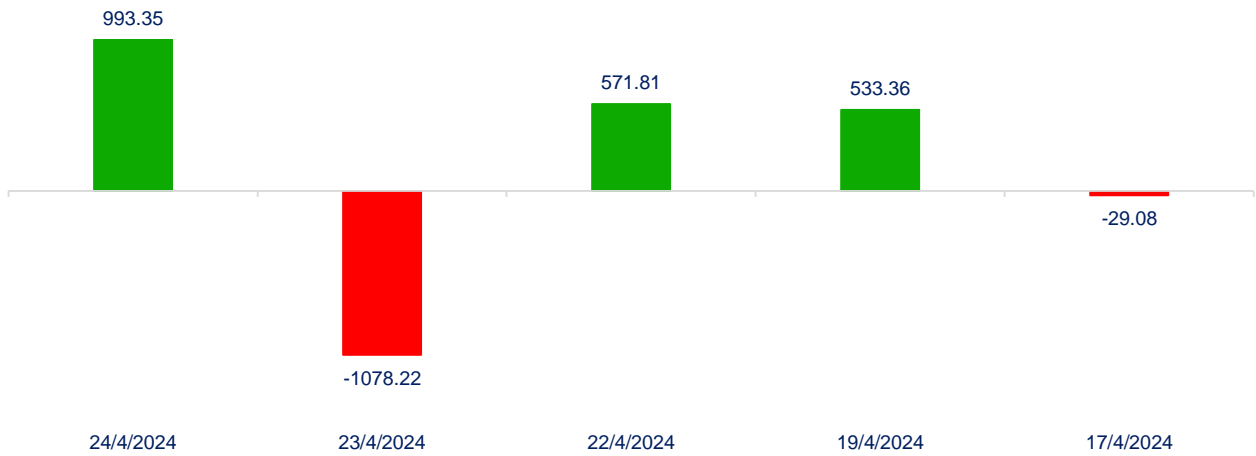
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	163.37	6.9%	1,175	23.5	1.6
MWG	159.34	0.7%	115	434.6	3.1
VND	85.89	15.6%	2,057	9.6	1.4
SSI	68.03	10.1%	1,531	22.5	2.2
TPB	60.47	13.7%	2,019	8.5	1.2

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

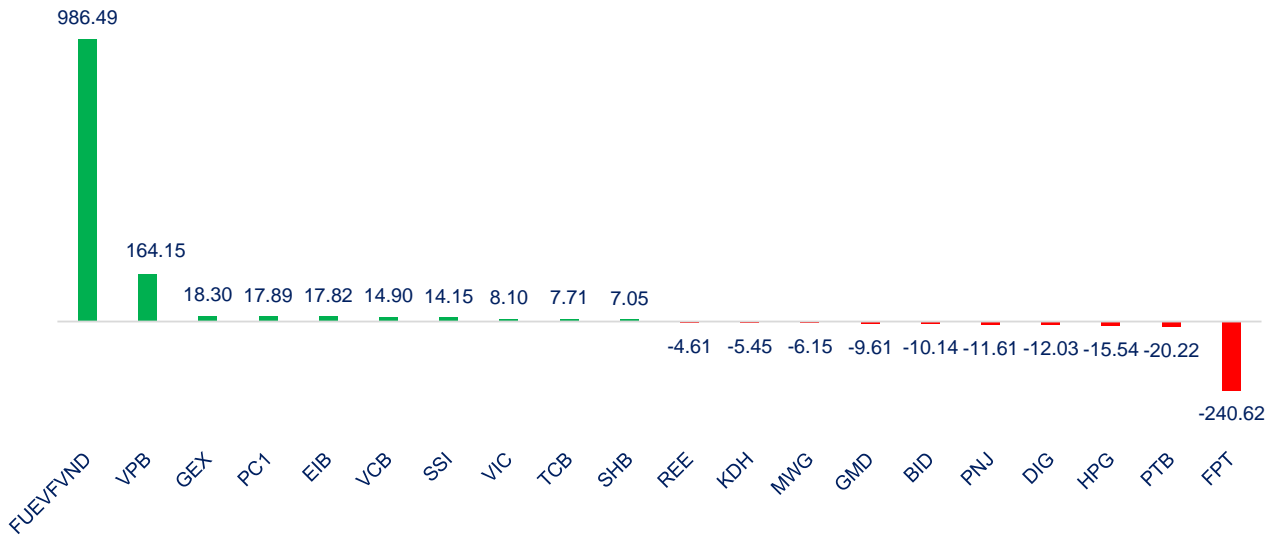
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	-976.65	N/A	N/A	N/A	N/A
VHM	-84.36	20.2%	7,664	5.2	1.0
VCB	-51.58	22.0%	5,910	15.2	3.1
HDB	-48.36	23.6%	3,479	6.4	1.4
GAS	-37.12	18.4%	5,053	14.7	2.6



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn